

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Xuân Hoàng mở rộng thuộc Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 123.383,78m².

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND, ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức



của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND, ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2982/QĐ-UBND, ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 2.518,9ha;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND, ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-UBND, ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 1789/QĐ-UBND, ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 1506/UBND-KTTH ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận địa điểm cho Công ty TNHH Xuân Hoàng mở rộng dự án Khu dân cư Xuân Hoàng tại ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc;

Căn cứ Công văn số 6433/VP-KT ngày 14/10/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh cập nhật ranh dự án của Công ty TNHH Xuân Hoàng tại ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 08/QĐ-BQLKKTPO ngày 13/01/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLKKTPO ngày 17/5/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Xuân Hoàng mở rộng tại ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 12,33ha;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Xuân Hoàng tại Tờ trình số 11/TTr-XH ngày 08/7/2022 về việc thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Xuân Hoàng mở rộng tại ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 12,33ha; Báo cáo thẩm định, trình phê duyệt số 53/BC-QLQH ngày 10/8/2022 của Phòng Quản lý Quy hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Xuân Hoàng mở rộng thuộc Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông tại ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 123.383,79m², với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quy mô diện tích và ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu, lập Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Xuân Hoàng mở rộng thuộc Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông tại ấp

Gành Gió, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 123.383,79m². Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp : Đất cây xanh bảo tồn.
- Phía Nam giáp : Đường Trần Phú và Khu dân cư Xuân Hoàng.
- Phía Đông giáp : Đường Dương Đông – Cửa Cạn và quy hoạch đất hành chính công cộng.
- Phía Tây giáp : Dự án Khu du lịch sinh thái Trần Thái.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Hình thành Khu dân cư Xuân Hoàng mở rộng đáp ứng nhu cầu nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội góp phần phát triển kinh tế xã hội và hạ tầng xã hội của thành phố Phú Quốc;

- Xác định tính chất, chức năng và quy mô của từng lô đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng;

- Đưa ra các hình thức kiến trúc các công trình đặc trưng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu của đảo;

- Xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch - xây dựng làm cơ sở cho việc quản lý, lập dự án đầu tư xây dựng;

- Chủ động trong kế hoạch sử dụng đất, phân kỳ đầu tư và khai thác;

- Đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với các khu vực xung quanh;

- Dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu, tránh tác động tiêu cực đến môi trường;

- Là cơ sở pháp lý để triển khai dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch để đầu tư khu dân cư trong đó bố trí tái định cư cho các hộ dân bồi thường giải tỏa của dự án Xuân Hoàng và tái định cư tại chỗ, đầu tư nhà ở dạng phố, cải tạo chỉnh trang các công trình văn hóa, công viên, cây xanh.

4. Quy mô phục vụ:

- Diện tích khu đất lập quy hoạch có quy mô khoảng: 123.383,78m²;
- Dự kiến sau khi hoàn thành, quy mô dân số khoảng 2.400 người.

5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

- Mật độ xây dựng (gộp) tối đa là 23,39%, tầng cao xây dựng tối đa 15 tầng (chiều cao xây dựng công trình phải tuân thủ theo quy định tại Công văn số 625/TC-QC ngày 09/12/2021 của Cục tác chiến – Bộ Tổng tham mưu), hệ số sử dụng đất trung bình là 1,63 lần.



5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

5.2.1. Cấp nước:

- Sinh hoạt : 150 - 180 lít/người/ngày.
- Công trình công cộng, dịch vụ : 2,0 lít/m² sàn/ngày.
- Tưới cây, công viên : 3,0 lít/m²/ngày.
- Rửa đường : 0,5 lít/m²/ngày.
- Chữa cháy : 15,0 lít/s, số đám cháy xảy ra đồng thời là 02, trong thời gian 03 giờ.

5.2.2. Cấp điện:

- Sinh hoạt : 1.500kWh/người/năm.
- Công trình công cộng, dịch vụ : 20 - 30W/m² sàn.
- Chiếu sáng đường giao thông : 1,0 W/m².
- Chiếu sáng công viên, vườn hoa : 0,5 W/m².

5.2.3. Thoát nước thải : ≥ 80% tổng lưu lượng nước cấp cần xử lý.

5.2.4. Rác thải

- Sinh hoạt : 1,2 kg/người/ngày.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch là 123.383,78m², được cơ cấu sử dụng như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	TL (%)
	Đất khu dân cư	123.383,78	100,00
I	Đất ở	54.132,46	43,87
1	Đất ở biệt thự đơn lập song lập	15.329,40	12,42
2	Đất ở trung cao tầng	17.506,11	14,19
3	Đất nhà ở xã hội	8.280,09	6,71
4	Đất ở tái định cư	13.016,86	10,55
II	Đất dịch vụ - công cộng	4.595,55	3,72
1	Đất giáo dục - trường mầm non	1.951,34	1,58
2	Y tế	644,18	0,52
3	Đất thương mại - chợ	2.000,03	1,62
III	Đất cây xanh - mặt nước	28.596,72	23,18
1	Đất Công viên cây xanh	21.997,98	17,83
2	Mặt nước	4.098,10	3,32
3	Công viên cây xanh cấp đơn vị ở	2.500,64	2,03
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	411,77	0,33
V	Đất giao thông	35.647,28	28,89
1	Giao thông đối ngoại	9.894,98	8,02
2	Giao thông nội bộ	23.462,79	19,02
3	Bãi xe	2.289,51	1,86

6. Bộ cục phân khu chức năng và quy hoạch xây dựng công trình:

STT	Chức năng	DT (m ²)	MĐ (%)	TC (tầng)	HS (lần)	Số căn	DTXD (m ²)
I	Đất ở	54.132,46					22.643,96
1	Đất ở biệt thự đơn lập song lập	15.329,40				65	5.710,47
1.1	DSL-1	5.573,29	36,29	4	1,52	22	2.022,55
1.2	DSL-2	2.392,69	38,03	4	1,60	11	909,94
1.3	DSL-3	3.948,88	37,43	4	1,57	16	1.478,07
1.4	DSL-4	3.414,54	38,07	4	1,60	16	1.299,92
2	Đất ở trung cao tầng	17.506,11				3	5.251,83
2.1	TCT-1	4.849,51	30,00	15	4,50	1	1.454,85
	Tầng hầm (để xe + tầng kỹ thuật)			1			1.454,85
2.2	TCT-2	6.690,61	30,00	15	4,50	1	2.007,18
	Tầng hầm (để xe + tầng kỹ thuật)			1			2.007,18
2.3	TCT-3	5.965,99	30,00	15	4,50	1	1.789,80
	Tầng hầm (để xe + tầng kỹ thuật)			1			1.789,80
3	Đất nhà ở xã hội (NOXH)	8.280,09	40,00	15	5,00	1	3.312,04
3.1	Tầng hầm (để xe + tầng kỹ thuật)			1			3.312,04
4	Đất ở tái định cư	13.016,86				150	8.369,63
4.1	TĐC-1	2.589,05	66,20	4	2,78	31	1.713,95
4.2	TĐC-2	3.978,83	63,76	4	2,68	47	2.536,90
4.3	TĐC-3	3.559,89	64,66	4	2,72	42	2.301,82
4.4	TĐC-4	2.889,09	62,89	4	2,64	33	1.816,95
II	Đất dịch vụ - công cộng	4.595,55					1.838,22
1	Đất giáo dục - Trường mầm non (MN)	1.951,34	40,00	4	1,50	1	780,54
2	Đất Y tế (YT)	644,18	40,00	4	1,50	1	257,67
3	Đất chợ - Trung tâm TM (TM)	2.000,03	40,00	4	1,50	1	800,01
	Tầng hầm (để xe + tầng kỹ thuật)			1			800,01
III	Đất cây xanh - mặt nước	28.596,72					1.099,90
1	Cây xanh cấp đô thị	21.997,98					1.099,90
1.1	Công viên TDTT (CV-TDTT2)	4.916,47	5,00	2	0,1		245,82
	Công trình DV- VH			2		1	245,82
	Sân tập luyện thể thao ngoài trời	400,00				1	
	Sân chơi + đường dạo	360,00					
1.2	Công viên TDTT (CV-TDTT1)	13.762,27	5,00	2	0,05		688,11
	Công trình TDTT trong nhà			2		1	600,00
	Chòi nghỉ			1		4	88,11
	Sân tập luyện thể thao ngoài trời	800,00				1	
	Sân chơi + đường dạo	750,00					
1.3	Công viên cây xanh (CV)	3.319,24	5	2	0,05		165,96
	Công trình DVCV			2		1	115,96
	Chòi nghỉ			1		2	50,00
	Sân chơi + đường dạo	180,00					
2	Mặt nước MN 1 - 5	4.098,10					

3	Cây xanh cấp đơn vị ở	2.500,64					
3.1	CX1	560,00					
3.2	CX2	1.646,48					
3.3	CX3	294,16					
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	411,77	10,32	1	0,10		42,50
	Phòng kỹ thuật			1			42,50
	Bể xử lý nước thải ngầm	164,00					
V	Đất giao thông	35.647,28					915,80
1	Giao thông Đối ngoại	9.894,98					
1.1	Đường Dương Đông - Cửa Cạn	7.265,88					
1.2	Đường Trần Phú	2.629,10					
2	Giao thông nội bộ	23.462,79					
3	Bãi Xe	2.289,51					915,80
3.1	BB1	762,53	40,00	1	0,4		305,01
3.2	BB2	1.526,98	40,00	1	0,4		610,79
	Tổng	123.383,78	21,51	15	1,50		26.540,38
	Tổng (trừ giao thông đối ngoại)	113.488,80	23,39	15	1,63		

7. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Không gian kiến trúc, cảnh quan khu vực lập quy hoạch được bố trí hài hòa, phù hợp với định hướng Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông đã được phê duyệt.

- Dự án được quy hoạch với các chức năng chính như: Nhà ở tái định cư, biệt thự đơn lập, song lập, nhà ở trung và cao tầng và nhà ở xã hội đáp ứng các chỉ tiêu kiến trúc, cảnh quan theo tính chất, chức năng và Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông được duyệt, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn.

- Các công trình dịch vụ - công cộng được bố trí tại khu vực trung tâm khu quy hoạch đảm bảo bán kính phục vụ. Riêng các công trình văn hóa – thể dục thể thao bố trí kết hợp với công viên cây xanh nhằm sử dụng quỹ đất hiệu quả.

- Các trục đường chính, đường nhánh phân chia các khu chức năng đến từng ô đất đảm bảo việc tiếp cận và đấu nối hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Các công trình kiến trúc phải đảm bảo khoảng lùi, khoảng cách, chỉ giới xây dựng, số tầng theo Quy chuẩn và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chiều cao xây dựng công trình phải tuân thủ theo quy định tại Công văn số 625/TC-QC ngày 09/12/2021 của Cục tác chiến – Bộ Tổng tham mưu và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

- Cây xanh cảnh quan sử dụng các loại cây thân cao, ít lá không che chắn tầm nhìn, không gian cảnh quan chung.

- Màu sắc và vật liệu của các công trình phải đảm bảo hài hòa với tự nhiên và tổng thể toàn khu quy hoạch.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Đường chính khu vực:

+ Đường Dương Đông - Cửa Cạn (*ký hiệu mặt cắt A-A*): Có lộ giới rộng 42m, chỉ giới xây dựng lùi so với chỉ giới đường đỏ là 3m (*đối với nhà đơn lập, song lập*). Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

+ Đường Trần Phú (*ký hiệu mặt cắt B-B*): Có lộ giới rộng 24m, bao gồm mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 6m, chỉ giới xây dựng lùi so với chỉ giới đường đỏ là 10m (*đối với nhà chung cư*). Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường phân khu vực:

Đường D2 (*ký hiệu mặt cắt 1-1*): Có lộ giới rộng 15m, bao gồm mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m, chỉ giới xây dựng lùi so với chỉ giới đường đỏ là 3m (*đối với nhà đơn lập, song lập*), 5m (*đối với công trình thương mại*) và 10m (*đối với nhà chung cư*). Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường nhóm nhà ở:

Đường D1, D3, D4 và N1 đến N6 (*ký hiệu mặt cắt 2-2*): Có lộ giới rộng 13m, bao gồm mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m, chỉ giới xây dựng lùi so với chỉ giới đường đỏ là 3m (*đối với nhà đơn lập, song lập*), 4m (*đối với nhà phố, liên kế*) và 6m (*đối với công trình y tế, mầm non*). Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

8.2. Quy hoạch san nền:

Giải pháp san nền: Việc san nền dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, cao độ thiết kế của các trục đường giao thông trong khu quy hoạch đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng. Cao độ nền không chế xây dựng $H_{xd} \geq 3$ m (*theo Hệ tọa độ Quốc gia*). Khối lượng đào - đắp được thể hiện trên bản đồ quy hoạch san nền.

8.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nằm dọc theo trục đường giao thông, sân bãi đầu nối vào tuyến thoát nước chung của khu vực, thoát ra biển.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

8.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch từ hệ thống cấp nước của dự án được đầu nối với đường ống cấp nước chung của khu vực nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và lâu dài.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 581,89m³/ngày (*chưa bao gồm lượng nước cấp cho chữa cháy*).

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch đầu nối từ đường dây trung thế 22kV của dự án, được đầu nối với hệ thống cấp điện chung của đảo Phú Quốc.

- Toàn bộ hệ thống cấp điện được thiết kế và xây dựng ngầm.

- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng: 3.840kVA/ngày.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.

8.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

8.6.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải phải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến cống thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu vực xử lý. Trong giai đoạn đầu, khi chưa có khu xử lý nước thải chung, xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch nhằm đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Tổng lưu lượng nước thải khoảng: 296,06m³/ngày.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

8.6.2. Vệ sinh môi trường:

Tổng khối lượng rác thải khoảng 2,88 tấn/ngày. Rác thải được phân loại tại nguồn và thu gom hàng ngày, tập kết tại trạm thu gom rác tập trung của khu quy hoạch và được xe vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của đảo để xử lý.

Điều 2. Giao Công ty TNHH Xuân Hoàng có trách nhiệm liên hệ Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, các Sở, ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo các nội dung nêu trên; Tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện.

- Tiến hành cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa; Hoàn chỉnh quy định quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng trình Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc phê duyệt ban hành làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Triển khai lập, trình phê duyệt: Dự án đầu tư xây dựng; Bồi thường giải phóng mặt bằng; Thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xin giấy phép xây dựng theo quy định của luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc, Chủ tịch UBND thành phố Phú Quốc, Tổng giám đốc Công ty TNHH Xuân Hoàng, cùng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- LĐ: VP và các Phòng chuyên môn;
- Lưu: VT; Phòng QLQH; tson. *ly*

Công

KI TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



ly

Võ Công Sơn